

KINH BỒ TÁT THIÊN GIỚI

QUYỂN 2

Phẩm 5: NGHĨA CHÂN THẬT CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Nghĩa chân thật gồm có hai thứ: Một là pháp tánh. Hai là pháp đẳng. Lại có bốn thứ: Một là lưu hành khắp thế gian. Hai là phương tiện lưu hành khắp. Ba là làm sạch chướng phiền não. Bốn là làm tịnh chướng trí tuệ.

Thế nào là lưu hành khắp thế gian? Pháp của thế gian đồng danh hiệu ấy, chúng sinh thấy đất, chân thật là đất trọn không nói là lửa. Lửa chân thật là lửa trọn không nói là đất, cho đến nước, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn, chuỗi anh lạc, đồ vật, kỹ nhạc, tối, sáng, nam, nữ, phòng nhà, ruộng vườn, khổ, vui. Khổ chân thật là khổ, trọn không nói là vui. Vui chân thật là vui, trọn không nói là khổ. Đây là phải, đây là trái, định và bất định. Tất cả trên thế gian từ xưa đến nay lưu truyền danh, tướng này tự nhiên mà biết, không phải từ sự tu tập sau đó mới biết. Đây gọi là nghĩa chân thật của thế gian lưu hành rộng khắp.

Thế nào gọi là phương tiện lưu hành khắp? Như người trí ở đời, trước tính toán, sau đó mới làm ra kinh sách luận nghị, đấy gọi là phương tiện lưu hành khắp.

Thế nào là làm sạch chướng phiền não? Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi, đều dùng trí vô lậu, đạo vô lậu, để phá trừ phiền não, nên được trí vô ngại. Đây gọi là làm sạch chướng phiền não. Vì phá trừ phiền não nên trí được thanh tịnh sáng suốt. Trí tuệ thanh tịnh nên thân tâm vô ngại. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật.

Tại sao lại gọi là chân thật? Chân thật gọi là tứ đế, tức khổ, tập,

diệt, đạo. Quán xét bốn đế này thì được trí tuệ chân thật, đó gọi là Thanh văn, Phật-bích-chi. Thanh văn, Phật-bích-chi phân quán năm ấm, cho nên lìa ấm đều không thấy ngã, ngã sở. Phân quán mười hai nhân duyên, vì thế lìa ấm không thấy chúng sinh cho đến sĩ phu. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật. Nếu trí không thể biết cảnh giới thì gọi là trí chướng ngại, nếu có thể phá bỏ chướng, biết cảnh giới thì gọi là làm tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật.

Nghĩa chân thật tức là Phật và Bồ-tát quán sâu tất cả năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, quán ngã vô ngã, chúng sinh, chẳng phải là chúng sinh, sĩ phu, chẳng phải là sĩ phu. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ. Quán các pháp giới không thể nêu bày, biết đế thế gian cho nên phân biệt pháp giới, biết tánh chân thật của các pháp giới, nên gọi là Tuệ vô thắng. Tuệ vô thắng hay phá diệt tất cả chướng nên gọi là tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật lại có hai thứ: Một là hữu. Hai là vô. Hữu gọi là thế gian lưu hành khắp, đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đất, nước, gió, lửa, sắc, thanh, hương, vị, xúc, thiện, bất thiện, vô ký, pháp xuất, pháp diệt, pháp từ duyên sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, hữu vi, vô vi, đời này, đời khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, hiểu biết, chỗ đạt được giác quán, tu tập, thọ trì, cho đến Niết-bàn. Đây gọi là hữu của thế gian lưu hành. Thế gian hữu đó là pháp tánh. Vô là hữu của thế gian lưu hành khắp, từ sắc cho đến Niết-bàn tánh ấy là không nên gọi là vô. Chúng sinh thấy được nên gọi là hữu. Pháp tánh vốn không nên gọi là vô. Chư Phật Như Lai thuyết giảng về hữu, vô, gọi là chân thật. Chân thật gọi là trung đạo, chẳng phải hữu chẳng phải vô gọi là trung đạo, trung đạo gọi là đạo vô thượng. Trung đạo như vậy, chư Phật Thế Tôn trừ pháp chướng ngại, đó gọi là nhất thiết trí.

Bồ-tát Ma-ha-tát tuy học trung đạo như vậy mà còn chướng ngại, nên không được là nhất thiết trí. Trí tuệ của Bồ-tát là phương tiện, gọi là nhân của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát tuy không đầy đủ trí tuệ trung đạo, mà giảng nói về tướng sinh tử cũng có cũng không, cũng là lưu hành rộng khắp pháp Phật vô thượng, tuy ở trong sinh tử mà cũng có thể nhận biết rõ sinh tử là hoạn nạn, tâm không nhầm chán hối hận. Nếu không biết sinh tử là hoạn nạn thì không thể phá trừ phiền não kiết, nếu tâm nhầm chán thì không thể giáo hóa chúng sinh, hộ trì pháp chư Phật, mau đạt được Niết-bàn. Nếu được Niết-bàn thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu không thể giáo hóa các chúng sinh

thì sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế cho nên Bồ-tát ở trong sinh tử tu đạo Bồ-đề, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể chứng đắc đầy đủ đạo Bồ-đề trang nghiêm, cũng không thể vì vô lượng chúng sinh mà khen ngợi Niết-bàn, và đối với cảnh giới Niết-bàn không thể sinh tâm tin, vui, chuyên niệm. Do vậy, Bồ-tát đối với Niết-bàn không sinh tâm sợ hãi.

Nếu Bồ-tát ấy cầu Niết-bàn tức có thể đạt được, nếu đạt được thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không thể dùng pháp Phật để giáo hóa chúng sinh. Nếu Bồ-tát không thể quán sâu về lỗi lầm của sinh tử, hoặc sinh tâm nhằm chán, sợ hãi Niết-bàn, hoặc cầu Niết-bàn, đây gọi là Bồ-tát không có phương tiện khéo léo. Nếu Bồ-tát có thể quán sâu về lỗi lầm của sinh tử, vui ở trong ấy, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn, đây gọi là Bồ-tát có phương tiện khéo léo. Phương tiện khéo léo là hiểu về Đệ nhất nghĩa Không. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập “Đệ nhất nghĩa Không” như vậy, gọi là đại phương tiện của giới Bồ-tát, là được trí vô thượng của Như Lai. Nếu có tu tập giới Bồ-tát này thì được trí chân thật, thấy biết tất cả các pháp là vô ngã, ngã sở, rõ các pháp tánh, nên đối với pháp, tâm không hề tham đắm, cũng nói là Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế. Thấy tất cả pháp mà tâm bình đẳng, có thể ban sự bố thí lớn, do nhân duyên bố thí nên khéo biết việc thế gian, tuy học việc thế gian mà tâm không nhằm chán hối hận, tức được biết rõ đạt được niệm lực lớn. Tuy biết việc thế gian mà tâm không kiêu mạn, thường chỉ dạy chúng sinh tâm không sển tiếc, dùng phương tiện khéo léo chỉ dạy chúng sinh những việc thế gian, khiến cho họ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát đối với việc thế gian này siêng năng tu tập không nhằm chán hối tiếc. Nếu khi thấy chúng sinh chịu khổ ão thì liền được tăng trưởng tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát tăng trưởng pháp thiện như vậy mà tâm không kiêu mạn, đối với chúng sinh, sinh tâm thương xót, Bồ-tát tăng trưởng trí tuệ như vậy, không sinh kiêu mạn, nên có thể phá trừ các tà kiến của chúng sinh. Nếu Bồ-tát đắc Tam-muội thế gian và xuất thế gian, không hiển bày đức của mình khiến người khác cúng dường, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô, Bồ-tát bấy giờ thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, gọi là giới Bồ-tát. Như Bồ-tát Ma-ha-tát có được pháp thiện, đều đem hồi hướng về đạo Bồ-đề, đó gọi là giới Bồ-tát. Đời quá khứ, Bồ-tát chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều do thành tựu giới cấm của Bồ-tát, vị lai hiện tại

cũng vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì các pháp Bồ-tát trong ba đời, có thể dùng pháp Phật giáo hóa chúng sinh, chí tâm tu hành đạo Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề mà không tiếc thân mạng, không tiếc thân mạng là giới Bồ-tát. Nếu tiếc thân mạng thì trọn không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát, cho đến tham tiếc vật nhỏ bằng một tiền, cũng không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh cho nên thọ thân và chứa của cải, nếu đối với hai thứ này sinh tâm sển tiếc, tức là Bồ-tát giả danh, là Bồ-tát phi nghĩa. Nếu Bồ-tát không tiếc thân mạng, tài vật, phải biết đây là Bồ-tát có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh, có thể thực hành nhẫn nhục, có thể phá trừ tâm sân hận ganh ghét, hiểu rõ việc thế gian, khéo biết phương tiện, có thể phá tan tâm nghi của chúng sinh, có thể tự tăng trưởng nhân quả Bồ-đề, khéo điều phục các căn, không bị bốn điên đảo khuấy động, có thể hiểu nghĩa thâm diệu của các pháp, có thể hành đầy đủ bốn tâm vô lượng, thành tựu năm thông, bốn trí vô ngại, quán sát rốt ráo mười hai nhân duyên, mau chứng đắc địa Bồ-tát, được thân thường, lạc, ngã, tịnh, được đại tự tại nơi Niết-bàn vô thượng, khéo khai thị phương tiện Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu vô lượng công đức như vậy, đều do nhân duyên giới cấm mà được. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ giới Bồ-tát, có thể làm người giúp việc cho chúng sinh, nếu bị chúng sinh mắng chửi đánh đập thì sinh tâm từ, nếu thấy chúng sinh bị phiền não bức bách nặng nề tức phát tâm thương xót, vì muốn phá diệt phiền não cho chúng sinh, nên nhất tâm luôn suy nghĩ các phương tiện hay khéo. Đối với chúng sinh tâm không gian trá, tùy theo khả năng mà ban vui cho chúng sinh, không cầu báo ân, cũng không ôm lòng sân hận, vì phá trừ tâm sân hận ưu não của chúng sinh mà suy nghĩ về phương tiện biết ân và nhớ ân. Nếu người thiếu thốn đến mong cầu, trước tiên ý phải thực hành bố thí, nếu mình có mà không bố thí là không thành tựu giới cấm của Bồ-tát. Người mong cầu đến ba lần mà không bố thí đó là phạm tội nặng, nếu dùng phương tiện lời lẽ hay để an ủi họ, khiến người cầu xin không sinh tâm oán hận, đấy là không phạm.

Người mong cầu có hai hạng: Một là nghèo thiếu. Hai là tà kiến. Không bố thí cho người nghèo thì liền đắc tội, không bố thí cho người tà kiến thì không gọi là phạm. Người không phạm thì gọi là hạnh thiện. Bồ-tát hạnh thiện biết rõ pháp giới không thể nêu nói, biết tánh của pháp giới, biết thế gian lưu hành rộng khắp. Thế gian lưu hành rộng khắp tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn, tất cả đều không gọi là chân thật. Vì sao? Vì sắc này chẳng phải có chẳng phải

không, cho đến Niết-bàn cũng chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì thế nào là chân thật? Thế nào là chẳng phải có? Chúng sinh điên đảo chấp sắc là ngã, cho đến Niết-bàn cố chấp cho là ngã. Đấy gọi là chẳng có.

Thế nào là chẳng phải không? Thế gian lưu hành khắp, không phải lừa dối, có thể tuyên thuyết, đấy là chẳng phải không. Vì thế nên gọi là chẳng phải có chẳng phải không.

Nếu chỗ thuyết pháp mà nói có, thì trong một pháp có vô lượng danh, vô lượng danh nên có vô lượng tánh. Vì sao? Vì trong mỗi một pháp có vô lượng danh. Vì sao gọi là vô lượng danh? Như một pháp là sắc mà nói xanh, vàng, cũng nói là trắng, đỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, có thể thấy, không thể thấy, có đối không đối, nặng, nhẹ. Đây gọi là có thể thuyết. Tùy theo chỗ nói có, nên trong một pháp có vô lượng tướng, chỗ có thể tuyên thuyết thật ra không có tánh nhất định, dùng lời nói để lưu hành khắp ở đời, thật sự là không thuyết và có tánh chân thật. Tất cả các pháp cũng lại như vậy.

Như trong sắc cho đến Niết-bàn là có thật tánh, không nên nói xanh, vàng, trắng, đỏ, cho đến nặng nhẹ. Nếu không có thật tánh, thì lúc chưa lưu hành khắp làm sao có thể truyền. Do tánh lưu hành khắp là có, lại không có sự bắt đầu, kết thúc, cho nên có thể lưu hành khắp. Nếu lúc chưa có sắc mà có lưu hành khắp, thì do nhân duyên gì, lúc không có sắc không lưu hành khắp! Nếu sự lưu hành khắp ấy có thể làm tánh của sắc, thì tại sao lưu hành khắp không thể làm tánh của vô lượng sắc, cho nên pháp tánh không thể tuyên thuyết. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Có hai hạng người xa lìa pháp Phật, chẳng phải là đệ tử của Phật, mãi mãi mất pháp Phật. Một là nói từ sắc cho đến Niết-bàn có tánh chân thật. Hai là không tin tánh thế gian lưu hành khắp. Hai hạng người như vậy không thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, nếu có lãnh thọ tức không đắc giới, vị thầy ắt có tội. Vì sao không đạt được? Do phỉ báng pháp thật và đấm vào pháp sai, cho nên tuy lãnh thọ mà trọn không đắc giới. Nếu không đắc giới thì không được gọi là đệ tử của Phật, ở trong pháp này, vì thế gọi là xa lìa pháp Phật.

Giới Bồ-tát chẳng phải do nơi miệng mà được, tâm và miệng hòa hợp sau đó mới được. Như hai hạng người này đều không có tâm thật thì làm sao mà đạt được. Nếu ở trong sắc mà vọng sinh chấp trước, thì đối với pháp Phật mãi mãi bị mất. Nếu không tin sắc là lưu hành khắp, đó gọi là hủy báng tất cả pháp, người này mãi mãi mất đi pháp Phật.

Vì thế, không thể tuyên thuyết hoặc có hoặc không. Vì sao? Như nhân nơi năm ấm tức có ngã, nhân, chúng sinh, sĩ phu, nếu không có năm ấm thì các danh như vậy do đâu mà lưu hành khắp. Sắc cũng như thế, vì có sắc cho nên có vô số các thứ danh tự lưu hành khắp. Pháp chân thật thì không có lưu hành khắp, lìa pháp chân thật cũng không lưu hành khắp. Người ngu si nói các pháp là Không thì mắc tội lớn. Nếu có người nói trong kinh Đại thừa nơi tất cả pháp là Không, cũng mắc tội lớn. Vì không khéo hiểu nghĩa của kinh Đại thừa, sinh tâm kiêu mạn nói là ta khéo hiểu, tùy theo tâm vọng tưởng suy nghĩ, rộng nói cho người cũng mắc tội lớn. Nếu nói tánh của tất cả các pháp là không có làm sao có thể lưu hành khắp ở đời thì cũng mắc tội lớn. Vì sao? Vì đã hủy báng tất cả pháp. Hủy báng tất cả pháp tức là đệ tử của ngoại đạo Phú-lan-na. Phú-lan-na cho tánh của các pháp là không có mà trong pháp Phật thì nói cũng có, cũng không. Nếu có người nói tất cả pháp là “không”, phải biết không nên cùng người này ở chung, cùng bàn luận, cùng bố-tát, thuyết giới, nếu cùng ở chung cho đến thuyết giới thì mắc tội lớn. Vì sao? Vì không hiểu nghĩa “không”, nên người này không thể tự lợi, lợi tha. Do đó, trong kinh Đại thừa nói: “Nếu không hiểu nghĩa “không” thì còn thua người ngu si”.

Vì sao? Người ngu si nói sắc là ngã, cho đến thức là ngã, có ngã kiến nhưng không hủy hoại pháp Phật. Nếu không hiểu nghĩa “không” tức mãi mãi phá hoại pháp Phật, làm cho diệt mất. Người sinh ngã kiến không đến mức rơi vào ba đường ác, người không hiểu nghĩa Không mà tuyên thuyết rộng cho mọi người nghe, phải biết người này ắt đọa vào ngục A tỳ. Người có ngã kiến nhưng không hủy báng Tam bảo, người vọng nói về “không” tức là phỉ báng Tam bảo. Người nói có ngã mà không lừa dối chúng sinh, không phỉ báng thật tánh, không làm trở ngại pháp tánh, không trở ngại chúng sinh, có thể được giải thoát, không dạy người hủy phá giới cấm. người không hiểu nghĩa “không” là phỉ báng tất cả pháp, không hiểu thật tánh, không hiểu pháp tánh, gây trở ngại cho giải thoát, cùng với nhiều chúng sinh làm tri thức ác, tự mình không trì giới lại dạy người phá giới, thường ưa nêu bày không làm, không thọ, khiến nhiều chúng sinh tăng trưởng nhân địa ngục. Vì nghĩa này, nên gọi là xa lìa pháp Phật vô thượng.

Thế nào gọi là không hiểu về nghĩa Không? Nếu có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, không tin thọ “không”, không hiểu về “không”, không hiểu về pháp, đây gọi là không hiểu về nghĩa “Không”. Vì sao? Nói tất cả pháp bản tánh tự là “không”, chẳng có nhân duyên là

“không”, nói tất cả pháp cũng không có xứ sở. Nếu không có xứ sở thì sao gọi là không? Đây tức là không hiểu về nghĩa “không”.

Thế nào gọi là hiểu đúng về nghĩa Không? Nếu Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói trong tất cả pháp là không có tánh, đó gọi là “không”, pháp cũng chẳng phải “không”. Đây là hiểu nghĩa “không”. Hiểu như vậy là không vướng mắc nơi nghĩa, không phỉ báng Tam bảo, đây gọi là hiểu đúng đắn, không có sai lầm.

Thế nào là hiểu đúng đắn? Như sắc nói sắc, cho đến Niết-bàn, phân biệt không có các thứ tướng tánh. Đây gọi là sắc “không”. Do sắc chân thật lưu hành khắp ở đời, đó gọi là chẳng “không”. Vì nghĩa này nên nói một pháp sắc cũng có cũng không. Hiểu hai thứ này nên cũng là pháp cũng là không, trọn không ở trong đó mà vọng sinh chấp trước. Đây gọi là hiểu đúng về nghĩa không. Cho nên trong kinh Đại thừa nói kệ:

*Một pháp có nhiều tên
Trong pháp thật tức không
Do không mất tánh pháp
Lưu hành khắp thế gian.*

Như từ sắc cho đến Niết-bàn có nhiều tên gọi. Sắc không có tự tánh. Không tự tánh thì không có nhiều tên. Có nhiều tên gọi là lưu hành khắp. Vì nghĩa này cho nên trong Tạp tạng nói: Chư Phật Thế Tôn không vướng mắc ở chỗ lưu hành khắp, hoặc thấy hoặc nghe, suy nghĩ hiểu biết. như tên sắc cho đến tên Niết-bàn, gọi là lưu hành khắp. Chư Phật Thế Tôn trọn không nói có tánh lưu hành khắp mà sinh nhiễm chấp. Vì sao? Vì hủy hoại điên đảo. Người có nhiễm chấp gọi là điên đảo. Như Lai đã đoạn trừ tất cả ác kiến cho nên không nhiễm chấp, do không thấy, không nói, không nhiễm chấp nên gọi là chánh kiến.

Vì thế Như Lai vì Tỳ-khưu Ca-chiên-diên mà nói:

- Nay Ca-chiên-diên! Thế nào, đệ tử của ta không chấp ở địa định, thủy, hỏa, phong, không định, thức định, vô sở hữu định, phi hữu tướng, phi vô tướng định, chẳng phải đời này, chẳng phải đời sau, chẳng phải trời, chẳng phải trăng, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng suy nghĩ, chẳng so lường, chẳng thủ, chẳng đắc, chẳng giác, chẳng quán. Đây gọi là thiên định.

Thế nào là Tỳ-khưu không chấp ở địa định? Tỳ-khưu đối với địa không nghĩ về tướng của địa, cho đến giác quán, không nghĩ về tướng giác quán. Đây gọi là không chấp nơi địa định, cho đến giác quán cũng lại như vậy. Nếu có Tỳ-khưu tu tập định như thế, tức được chư Thiên,

Đế thích, Phạm thiên, cũng như chư Phật, Đại Bồ-tát trong mười phương khen ngợi: Nam mô Đại sĩ! Nam mô Đại sĩ! Và cùng nói: Ta đều không biết ông ở tại định nào, tu tập định nào.

Nếu có chấp trước về tướng của địa, danh của địa, phải biết người này không gọi là tu pháp “không”. Nếu ở trong sắc mà không chấp trước về danh tướng, đây gọi là tu pháp “không”, vì lưu hành khắp cho nên tuyên thuyết về tướng của địa và danh của địa. Nếu chấp trước nơi tướng sắc cho đến danh của sắc, gọi là tăng trưởng tướng. Nếu hủy hoại tướng sắc cho đến danh của sắc, gọi là phóng xả tướng, không tăng không xả gọi là trung đạo. Tu tập hai tướng như vậy, gọi là Tỳ-khưu tu tập địa định, cho đến giác quán. Nếu có Tỳ-khưu tu định này thì gọi là thật tướng, do thật tướng nên Tỳ-khưu đối với pháp không có ngôn thuyết, vì tánh của các pháp là không thể nói, do đó Tỳ-khưu không có ngôn thuyết. Nếu tất cả pháp là không thể nói, tại sao lại nói là “không thể nói”? Nếu không thể nói tại sao được nghe. Nếu không nói, không nghe, làm sao được biết là tất cả các pháp là không thể tuyên thuyết, vì có thể biết cho nên nói, khiến được lưu hành rộng khắp.

Người ngu si không biết, không hiểu thế gian lưu hành khắp, ở trong các pháp sinh ra tám thứ sai lầm: Một là tánh sai lầm. Hai là phân biệt sai lầm. Ba là tụ sai lầm. Bốn là ngã sai lầm. Năm là ngã sở sai lầm. Sáu là ái sai lầm. Bảy là bất ái sai lầm. Tám là phi ái phi bất ái sai lầm. Trong tám thứ sai lầm này, ba thứ sai lầm trước chính là căn bản của tất cả sai lầm, chấp tánh chấp danh thì không hiểu về lưu hành khắp. Từ đây, lần lượt sinh ra vô lượng sai lầm. Ngã và ngã sở sai lầm gọi là ngã kiến. Ngã kiến lại là căn bản của các kiến, hai thứ sai lầm này từ kiêu mạn sinh ra. Cho nên, kiêu mạn là căn bản của các kiến. Ba thứ sai lầm sau cùng là từ tham, sân, si sinh ra. Tám thứ sai lầm ấy thấu giữ tất cả phiền não, kết sử khiến các chúng sinh luân hồi trong ba cõi.

Thế nào gọi là tánh sai lầm? Như sắc tạo tướng chấp về sắc, cho đến nặng, nhẹ, đều tạo tướng chấp về nặng nhẹ. Đây gọi là tánh sai lầm.

Thế nào là phân biệt sai lầm? Như phân biệt sắc là sắc, là chẳng phải sắc, là có thể thấy, là không thể thấy, là có đối, là không đối. Đây gọi là phân biệt sai lầm.

Thế nào là tụ sai lầm? Như ở trong sắc thấy ngã, chúng sinh, sĩ phu, thọ mạng, phòng nhà, bốn chúng, quân binh, y thực, hoa sen, xe cộ, rừng cây tích tụ. Như vậy trong ấy mỗi thứ làm một tướng. Đây gọi là tụ sai lầm.

Thế nào là ngã, ngã sở sai lầm? Ở trong hữu lậu mà chấp lấy ngã, ngã sở, ở trong vô lượng đời thường sinh chấp trước nơi ngã, ngã sở. Đây gọi là ngã, ngã sở sai lầm.

Thế nào là ái sai lầm? Ở trong vật tịnh mà sinh tâm tham đắm. Đây gọi là ái sai lầm.

Thế nào là bất ái sai lầm? Ở trong vật bất tịnh mà sinh tâm sân hận. Đây gọi là bất ái sai lầm.

Thế nào là phi ái, phi bất ái sai lầm? Ở trong tất cả vật tịnh và bất tịnh mà sinh tâm tham đắm, sân hận. Đây gọi là phi ái phi bất ái sai lầm.

Bồ-tát Ma-ha-tát làm sao có thể biết tám thứ sai lầm này? Phải nên suy cầu bốn việc: Một là suy danh. Hai là suy vật. Ba là suy tánh. Bốn là suy phân biệt. Thế nào là suy danh? Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ biết danh của danh, không thấy danh vật. Đây gọi là suy cầu về danh.

Thế nào là suy vật? Chỉ biết vật này, không biết thứ khác. Đây là suy cầu về vật. Thế nào là suy tánh? Biết danh lưu hành khắp, đây gọi là suy cầu về tánh.

Thế nào là suy phân biệt? Danh không thấy vật, vật không thấy danh. Đây gọi là suy cầu phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát tại sao suy cầu về danh: Là nhận biết danh thật của danh cho nên suy cầu về danh. Bồ-tát quán xét kỹ, nếu không có danh của sắc thì do đâu nói sắc, nếu không nói sắc thì làm sao quán sắc, nếu không quán sắc làm sao chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Cho nên Bồ-tát suy cầu mà biết danh.

Bồ-tát tại sao suy cầu ở vật? Nếu không có vật thì sao có danh này, mà danh này chẳng phải không thể nói, nếu không thể nói làm sao được biết tánh của các pháp, cho nên Bồ-tát suy cầu ở vật.

Bồ-tát tại sao suy cầu ở tánh? Bồ-tát Ma-ha-tát biết tánh sắc cho đến tánh Niết-bàn, biết sắc lưu hành khắp cho đến Niết-bàn lưu hành khắp. Thế nào gọi là biết ở tánh sắc? Biết tánh sắc này như hình tượng trong gương, cảnh mộng huyễn hóa, như tiếng vang, như dợn nắng, như trăng trong nước. Đây gọi là suy cầu về tánh.

Bồ-tát tại sao suy cầu phân biệt? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu phân biệt danh, phân biệt vật, phân biệt tánh, phân biệt pháp, phân biệt phi pháp, phân biệt hữu, vô, thị sắc, phi sắc, có thể thấy, không thể thấy. Đây gọi là phân biệt. Do phân biệt nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì thế Bồ-tát suy cầu phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì trừ tám thứ sai lầm mà suy cầu bốn việc. Tại

sao Bồ-tát phá trừ tám thứ sai lầm này? Do nhân duyên của tám thứ sai lầm này làm tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng tà kiến nên phiền não tăng trưởng; phiền não tăng trưởng nên sinh tử tăng trưởng; sinh tử tăng trưởng nên mười hai nhân duyên tăng trưởng.

Nếu Bồ-tát tu tập bốn việc như vậy tức đoạn trừ được tà kiến. Tà kiến đoạn cho nên các phiền não diệt. Phiền não diệt cho nên sinh tử diệt. Sinh tử diệt nên biết mười hai nhân duyên diệt. Biết mười hai nhân duyên diệt nên tu đạo vô thượng. Do tu đạo vô thượng nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì chứng đắc đạo quả ấy nên có thể phá trừ tám thứ sai lầm của chúng sinh, có thể giáo hóa chúng sinh, biết thế gian lưu hành khắp và thuyết nghĩa chân thật. Nếu trừ bỏ tám thứ sai lầm của chúng sinh như vậy, thì gọi là Đại Niết-bàn, có thể được đại tự tại ngay đời này, được đại thần thông, được đại phương tiện, được đại thiên định, được đại nhất thiết trí, cầu được xứ không thối, không đọa. Đây gọi là Đại Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được đại tự tại tức thành tựu năm việc: Một là tâm được vắng lặng. Hai là hiểu biết rõ việc thế gian và xuất thế gian. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử tâm không ưu sầu. Bốn là hiểu biết tạng mật thâm diệu của Như Lai. Năm là tâm Bồ-đề không thể hủy hoại. Tại sao tâm Bồ-tát được vắng lặng? Do có thể phá trừ phiền não hiện tại của chúng sinh nên tâm được vắng lặng, vì điều phục chúng sinh mà chứng đắc pháp Phật. Bồ-tát hiểu biết việc thế gian và xuất thế gian, vì khiến chúng sinh được căn tánh lạnh lợi. Bồ-tát ưa ở trong sinh tử, tâm không sâu não, vì muốn hủy hoại tâm nghi của chúng sinh. Bồ-tát thọ trì đọc tụng hiểu biết tạng mật thâm diệu của Như Lai, do có người pháp nói là phi pháp, làm cho pháp Phật bị diệt, làm cấu uế pháp Phật, phạm nói không phạm, lãnh thọ cát chứa tám vật bất tịnh. Vì muốn diệt bỏ các pháp ác như vậy, nên Bồ-tát thọ trì tuyên thuyết giải nghĩa bí mật thâm diệu của Như Lai. Tuy nhận biết sách luận vi tế của ngoại đạo và hiểu rõ về nghĩa lý, nhưng trọn không hủy hoại tâm Bồ-đề. Năm việc như vậy thấu giữ mọi việc Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là năm việc, cũng gọi là năm công đức. Những gì gọi là việc Bồ-đề? Là có thể tự tạo lợi ích, điều phục chúng sinh, thọ trì pháp Phật không phá bỏ giới cấm của Bồ-tát, tâm Bồ-đề trọn không lay động, siêng năng tinh tấn diệt trừ tà kiến, tuyên thuyết đạo ba thừa. Bồ-tát thành tựu năm việc như vậy có ba hạng là thượng, trung và hạ, đầy đủ hai việc thì gọi là hạ, đầy đủ ba việc thì gọi là trung, nếu đủ bốn việc thì gọi là thượng.